

Số: 44 /KH-UBND

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 03-NQ/CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 89-CTr/TU ngày 25/02/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thành phố Hải Phòng

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 03-NQ/CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chương trình hành động 89-CTr/TU ngày 25/02/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt và triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW); Nghị quyết số 03-NQ/CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 03-NQ/CP); Chương trình hành động số 89-CTr/TU ngày 25/02/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia ((sau đây gọi tắt là Chương trình hành động số 89-CTr/TU).

- Tổ chức thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 03-NQ/CP và Chương trình hành động số 89-CTr/TU.

- Xác định rõ trách nhiệm, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị của thành phố tổ chức triển khai, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 03-NQ và Chương trình hành động số 89-CTr/TU nhằm tiếp tục phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi

mới sáng tạo và chuyển đổi số; đảm bảo gắn kết với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

2. Yêu cầu

- Tổ chức triển khai đồng bộ và thống nhất các nhiệm vụ từ thành phố đến cơ sở. Yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị của thành phố xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện với lộ trình, thời gian và phân công trách nhiệm cụ thể; thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Định kỳ hàng năm tổ chức đánh giá kết quả để kịp thời điều chỉnh, bổ sung các giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế của từng đơn vị, địa phương. Tăng cường sự phối hợp liên ngành, giữa các ngành với các địa phương, với các cơ quan, đơn vị, triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp.

- Tập trung thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu đề ra của Kế hoạch thông qua việc hoàn thiện đồng bộ các cơ chế, chính sách để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Ưu tiên đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới toàn diện trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị, đồng thời tích cực hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để phát triển kinh tế số. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, mở rộng hợp tác trong nước và quốc tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn thành phố về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

1.1 Các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị tổ chức triển khai, nghiên cứu, quán triệt các nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 03-NQ/CP và Chương trình hành động số 89-CTr/TU trong toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý; phát huy trách nhiệm của người đứng đầu trong phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thuộc phạm vi quản lý.

1.2 Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan truyền thông, báo chí làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng với các hình thức phù hợp nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vai trò, vị trí quan trọng của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội thành phố trong tình hình mới.

1.3 Rà soát, sửa đổi quy định về tiêu chí xếp loại và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của người đứng đầu, trong đó, đưa tiêu chí đánh giá trách nhiệm người đứng đầu trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức là tiêu chí quan trọng trong việc đánh giá, xếp loại hàng năm.

1.4 Xây dựng và đổi mới chương trình tuyên truyền, giáo dục hiệu quả để nâng cao nhận thức, quyết tâm, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thực hiện chuyển đổi số trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp, tạo niềm tin, khí thế mới trong xã hội.

1.5 Tổ chức các lớp "học tập số", phổ cập, nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, kiến thức số trong cán bộ, công chức và Nhân dân; các phong trào khởi nghiệp, sáng tạo, cải tiến nâng cao hiệu quả công việc, năng suất lao động, khơi dậy tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, phát huy trí tuệ góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thành phố.

1.6 Phát động phong trào thi đua thiết thực trong từng ngành, từng lĩnh vực, thu hút sự tham gia của đông đảo cán bộ, đảng viên, đội ngũ tri thức, người dân và cộng đồng doanh nghiệp thực hiện cuộc cách mạng chuyển đổi số.

2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

2.1 Rà soát các quy định của pháp luật liên quan về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thành phố đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới theo thẩm quyền.

2.2 Tiếp tục tham mưu xây dựng Nghị quyết sửa đổi Nghị quyết số 35/2021/QH15, ngày 13/11/2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng.

2.3 Nghiên cứu đề xuất chính sách khuyến khích, thúc đẩy gắn kết viện, trường với doanh nghiệp để đưa kết quả nghiên cứu vào phục vụ sản xuất, kinh doanh.

2.4 Nghiên cứu, đề xuất thành lập khoa tài năng trong các trường đại học, cao đẳng về công nghệ thông tin, tự động hóa... nhằm thu hút và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, làm chủ công nghệ cho các ngành, lĩnh vực.

2.5 Đề xuất và thí điểm một số mô hình phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại thành phố.

2.6 Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình/kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đến năm 2030.

2.7 Ban hành và tổ chức thực hiện Chương trình khoa học công nghệ Biển thành phố Hải Phòng đến năm 2030.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

3.1 Cân đối ngân sách của thành phố dành cho hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với khả năng của ngân sách thành phố, phần đầu bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách thành phố hằng năm.

3.2 Huy động tỷ lệ đóng góp của các doanh nghiệp và xã hội hóa, thu hút các nguồn lực ngoài ngân sách đầu tư khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3.3 Nghiên cứu đề xuất: Xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung, Trung tâm ươm tạo công nghệ và đổi mới sáng tạo và Công viên khoa học và đổi mới sáng tạo, Thí điểm mô hình “Chính quyền số tiên phong” tại một số quận, huyện; Xây dựng các trung tâm nghiên cứu và phát triển, nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao ở các khu vực như Bắc sông Cấm, Nam Đình Vũ, Văn Úc, Tiên Lãng.

3.4 Xem xét đầu tư xây dựng: Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Hải Phòng, Trung tâm điều hành thông minh (IOC) thành phố Hải Phòng, Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng.

3.5 Nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và đáp ứng yêu cầu triển khai Đề án 06/CP của Chính phủ.

3.6 Triển khai cấp chứng thư số đến 100% cán bộ, công chức của thành phố.

3.7 Xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát tài nguyên và môi trường biển dựa trên dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI) internet vạn vật (IoT) và công nghệ viễn thám, hệ thống thông tin địa lý (GIS) nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, dự báo biến động tài nguyên, môi trường và giảm thiểu tác động tiêu cực từ hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

3.8 Kêu gọi đầu tư phát triển công nghiệp năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, năng lượng thông minh theo Chương trình số 01-CTr/TU ngày 19/12/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 12/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3.9 Đầu tư, nâng cao năng lực và vận hành hiệu quả Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố.

3.10 Triển khai tổ chức thực hiện đề án xây dựng Hải Phòng trở thành trung tâm quốc tế về đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ biển.

3.11 Nghiên cứu đề xuất đầu tư xây dựng Trung tâm thu thập thông tin camera giám sát và chia sẻ, kết nối với các Sở, ngành phục vụ công tác quản lý nhà nước về trật tự an toàn xã hội.

3.12 Nghiên cứu đề xuất phát triển định mức trang thiết bị phương tiện hiện đại, thông minh, chuyên dụng, chuyên ngành đảm bảo an ninh, an toàn các khu kinh tế biển, cảng biển.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

4.1 Trình ban hành và tổ chức thực hiện Nghị quyết về cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài thành phố Hải Phòng.

4.2 Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 13/5/2024 của Ban Thường vụ Thành ủy về đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

4.3 Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/4/2024 của Ban Thường vụ Thành ủy về phát triển Trường Đại học Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

4.4 Nghiên cứu đề xuất và thí điểm xây dựng Đại học số, mô hình ISO số phục vụ đào tạo, thu hút nguồn nhân lực.

4.5 Nghiên cứu đề xuất và xây dựng chương trình đào tạo và thu hút nhân tài về Hải Phòng trong lĩnh vực công nghệ cao, AI, IoT, dữ liệu lớn, năng lượng tái tạo.

4.6 Phối hợp với các cơ sở đào tạo trên toàn quốc để Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo nhân lực chất lượng cao về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số.

4.7 Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ, các viện nghiên cứu để đưa chương trình thực tế vào giảng dạy.

4.8 Tăng cường hợp tác với trí thức người Việt Nam sinh sống, làm việc ở nước ngoài, trí thức người nước ngoài trong chuyển giao, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những lĩnh vực mới, quan trọng nhằm góp phần thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

4.9 Rà soát, điều chỉnh Quy hoạch các tổ chức khoa học công nghệ công lập.

4.10 Xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

4.11 Đào tạo kỹ năng số cho người dân thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng.

✓

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

5.1 Đảm bảo hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ, biểu mẫu, chế độ báo cáo trên môi trường mạng, thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước. Hoàn thiện các quy trình, thủ tục hành chính phù hợp với hoạt động của chính quyền số, cắt giảm tối đa giao dịch trực tiếp.

5.2 Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu lớn phục vụ quản lý, giám sát và ra quyết định trong các lĩnh vực.

5.3 Triển khai nền tảng dữ liệu số về tài nguyên và môi trường biển, tích hợp với hệ thống thông tin địa lý (GIS) để hỗ trợ ra quyết định; Ứng dụng AI trong phân tích dữ liệu viễn thám, dự báo xói lở bờ biển, biến động rừng ngập mặn và chất lượng nước biển; Phát triển hệ thống cảm biến thông minh để giám sát rác thải nhựa đại dương, ô nhiễm dầu và biến đổi môi trường nước biển theo thời gian thực.

5.4 Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số chuyên dùng (Phần mềm, phần cứng) phục vụ nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị, nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước.

5.5 Xây dựng nền tảng số tích hợp của thành phố.

5.6 Xây dựng, cập nhật hệ thống thông tin kinh tế số của thành phố.

5.7 Ứng dụng công nghệ thông minh trong quản lý hạ tầng.

5.8 Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý văn hóa:

- Chuyển đổi số trong trưng bày tại Bảo tàng Hải Phòng;
- Xây dựng bản đồ số quản lý di tích xếp hạng các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

5.9 Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành ngành Công Thương:

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc các sản phẩm công nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Công Thương và các Bộ, ngành liên quan;

- Thành lập Sàn giao dịch thương mại điện tử các sản phẩm đặc trưng của thành phố;

- Số hóa và tạo lập cơ sở dữ liệu logistics thành phố Hải Phòng.

5.10 Thúc đẩy mạnh mẽ các nhiệm vụ, giải pháp kích thích kinh tế số trong nông nghiệp và phát triển nông thôn; đưa thương mại điện tử, thanh toán điện tử, hóa đơn điện tử, chữ ký số vào hoạt động mua, bán nông sản, sản phẩm OCOP, sản phẩm thế mạnh của địa phương. Xây dựng Appmini nền tảng số nông dân.

5.11 Xây dựng phần mềm Quản lý người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

5.12 Số hoá dữ liệu thông tin quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố.

5.13 Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ "Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin công chứng" Sở Tư pháp.

5.14 Triển khai trợ lý ảo cho cán bộ, công chức và người dân.

5.15 Triển khai nền tảng phân tích xử lý dữ liệu tổng hợp, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong việc hỗ trợ ra quyết định.

5.16 Triển khai nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố.

5.17 Phát triển hạ tầng số: Thiết lập hạ tầng viễn thông di động mặt đất công nghệ 5G.

5.18 Đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp về chuyển đổi số, mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc để tăng cường công tác quản lý nhà nước về năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hoá, tạo môi trường sản xuất kinh doanh minh bạch, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển thương mại, thị trường xuất, nhập khẩu.

5.19 Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ, biểu mẫu, chế độ báo cáo trên môi trường mạng, thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước. Hoàn thiện các quy trình, thủ tục hành chính phù hợp với hoạt động của chính quyền số, cắt giảm tối đa giao dịch trực tiếp.

5.20 Bảo đảm an toàn, an ninh mạng trên nền tảng số và không gian mạng.

5.21 Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ vào phát triển các ngành kinh tế chủ lực của thành phố: công nghiệp điện tử, cơ khí chế tạo, cơ khí giao thông, dịch vụ logistics, y học biển, dược phẩm biển.

5.22 Tăng cường hỗ trợ các hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong các trường đại học, cao đẳng.

5.23 Tăng cường áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh.

5.24 Tiêu chuẩn hóa, tăng cường công tác quản lý nhà nước về công nghệ đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ từ nước ngoài, các dự án đầu tư nước ngoài, để ngăn chặn việc ứng dụng, chuyển giao, sử dụng công nghệ, thiết bị lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.

5.25 Triển khai sâu rộng các hoạt động sáng tạo tạo ra tài sản trí tuệ, hỗ trợ bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, thúc đẩy phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất trên địa bàn thành phố.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

6.1 Xây dựng Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ, thực hiện chuyển đổi số, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo giai đoạn 2026 - 2030 (hỗ trợ hình thành và phát triển một số doanh nghiệp công nghệ số chiến lược trong thành phố quy mô lớn để phát triển hạ tầng số; cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số...).

6.2 Triển khai hướng dẫn, thúc đẩy doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử để nghiên cứu sử dụng định danh và xác thực điện tử trong các giao dịch thương mại điện tử.

6.3 Khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp (startup) trong lĩnh vực kinh tế biển xanh, tạo điều kiện tiếp cận nguồn vốn, chính sách hỗ trợ và hợp tác quốc tế về đổi mới sáng tạo trong khai thác tài nguyên biển bền vững.

6.4 Tăng cường đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của thành phố.

6.5 Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo hình thức đối tác công tư.

6.6 Tổ chức các sự kiện, hội thảo, triển lãm khoa học, công nghệ mang tầm quốc tế và khu vực để kết nối các doanh nghiệp, nhà nghiên cứu và nhà đầu tư. Lựa chọn các doanh nghiệp Start-up có tiềm năng, tiêu biểu để hỗ trợ và nhân rộng.

7. Tăng cường hợp tác trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

7.1 Xây dựng kế hoạch cụ thể để nghiên cứu, chuyển giao, hợp tác với các địa phương khác, các nước phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

7.2 Tăng cường hợp tác và huy động nguồn lực từ các Quỹ đầu tư của nước

ngoài triển khai các dự án thử nghiệm về công nghệ mới, vật liệu mới, năng lượng mới, chuyển đổi số trong các lĩnh vực hàng hải, kinh tế biển, logistics và các nguồn hợp pháp khác.

7.3 Mở rộng hợp tác quốc tế và thu hút FDI vào công nghệ cao.

7.4 Tổ chức diễn đàn công nghệ quốc tế, kết nối doanh nghiệp địa phương với các tập đoàn công nghệ lớn và kêu gọi quỹ đầu tư nước ngoài rót vốn vào doanh nghiệp khoa học và công nghệ tại Hải Phòng.

7.5 Ký kết các chương trình phối hợp, hợp tác về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

7.6 Tích cực tham gia các chương trình hợp tác nghiên cứu quốc tế. Ưu tiên tham gia các dự án nghiên cứu về công nghệ số tiên tiến, các giải pháp chuyển đổi số trong các lĩnh vực trọng điểm.

7.7 Thường xuyên tổ chức các hoạt động triển lãm, diễn đàn, sàn giao dịch công nghệ để giới thiệu, chuyển giao kết quả nghiên cứu, công nghệ trong và ngoài nước.

8. Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại Kết luận số 312-KL/TU ngày 15/02/2024 của Ban chấp hành Đảng bộ thành phố về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 16/5/2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khoá XIV về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế thành phố Hải Phòng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 26/10/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về Chuyển đổi số thành phố Hải phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 110/KH-UBND thực hiện Kết luận số 69-KL/TW của Bộ Chính trị và Kết luận số 312-KL/TI ngày 15/02/2024 của Ban chấp hành Đảng bộ thành phố; Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 26/10/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy.

III. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

Ủy ban nhân dân thành phố phân công nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban, ngành, các đơn vị tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố, các Sở, ban, ngành, đoàn thể của thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủy nguyên, các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện hàng năm.

2. Định kỳ hàng năm trước ngày 15/12, các cơ quan, đơn vị rà soát, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện (gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp).

3. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch, định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Các cơ quan, đơn vị được thành lập theo Nghị quyết 18-NQ/TW tiếp nhận chức năng nhiệm vụ của các cơ quan đơn vị trước khi hợp nhất, sắp xếp.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, cần sửa đổi, bổ sung, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chủ động, kịp thời thông tin về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chỉ đạo bổ sung, điều chỉnh (nếu cần thiết)./. 4

Nơi nhận:

- VP CP;
- Bộ KHCHN;
- Ban TVTU (để b/c);
- Thường trực HĐND;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- UBND các quận, huyện, TP TN;
- Các tổ chức KHCHN;
- Các viện, trường đại học;
- CVP, PCVP;
- Các Phòng: VX, NCKTGS, TH, TCNS;
- CV:VH1;
- Lưu: VT. ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng

PHỤ LỤC SỐ 01: CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

(Kèm theo Kế hoạch số 44 /KH-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Đến năm 2030			
1	Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Thứ bậc	Top 3 các địa phương dẫn đầu về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp	Thứ bậc	Đạt mức cao của cả nước	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Lĩnh vực khoa học, công nghệ	Thứ bậc	Một số lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, logistic đạt trình độ quốc tế	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Xếp hạng năng lực cạnh tranh số	Thứ bậc	Phần đầu đứng top 3 toàn quốc	Sở Thông tin và Truyền thông
5	Xếp hạng chỉ số phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số	Thứ bậc	Phần đầu đứng top 3 toàn quốc	Sở Thông tin và Truyền thông
6	Xếp hạng về nghiên cứu và phát triển trí tuệ nhân tạo, trung tâm phát triển một số ngành, lĩnh vực công nghiệp công nghệ số mà Việt Nam có lợi thế	Thứ bậc	Phần đầu đứng top 3 toàn quốc	Sở Thông tin và Truyền thông
7	Số doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến	Doanh nghiệp	≥ 5	Sở Thông tin và Truyền thông
8	Tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	%	62-65	Sở Khoa học và Công nghệ
9	Tỉ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong công nghiệp chế biến, chế tạo	%	≥ 70	Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
10	Quy mô kinh tế số	% GDP	≥ 40	Sở Thông tin và Truyền thông
11	Chỉ tiêu về thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử			
11.1	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	%	≥ 80	Sở Thông tin và Truyền thông
11.2	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	90	Sở Thông tin và Truyền thông
11.3	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	%	100	Sở Thông tin và Truyền thông
11.4	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100	Sở Thông tin và Truyền thông
11.5	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Sở Thông tin và Truyền thông
11.6	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Sở Thông tin và Truyền thông
11.7	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền	%	70	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố
11.8	Tỷ lệ cắt giảm hoặc tự động hóa thủ tục hành chính về cấp phép	%	≥ 30	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố
11.9	Tỷ lệ cắt giảm thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện cấp phép	%	50	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
11.10	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước	%	100	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố
11.11	Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử	%	100	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố
11.12	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	%	100	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố
12	Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt	%	≥ 85	Ngân hàng Nhà nước thành phố
13	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo	%	≥ 40	Sở Khoa học và Công nghệ
14	Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hóa, xã hội, con người Việt Nam duy trì chỉ số phát triển con người (HDI)	Chỉ số phát triển con người (HDI)	$> 0,7$	Sở Khoa học và Công nghệ
15	Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D)	% GDP	2	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ
16	Tỷ trọng kinh phí từ xã hội trên kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D)	%	> 60	Sở Khoa học và Công nghệ
17	Chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia	% tổng chi ngân sách nhà nước	Phần đầu đạt 3%	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư
18	Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo	Người/vạn dân	12	Sở Khoa học và Công nghệ
19	Tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng khu vực và thế giới	Tổ chức	40 - 50	Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
20	Số lượng công bố khoa học quốc tế tăng trung bình	%/năm	10	Sở Khoa học và Công nghệ
21	Số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình	%/năm	16-18	Sở Khoa học và Công nghệ
22	Tỷ lệ đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế khai thác thương mại	%	8 - 10	Sở Khoa học và Công nghệ
23	Hạ tầng số		Tiên tiến, hiện đại, dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng	Sở Thông tin và Truyền thông
23.1	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s.	%	100	Sở Thông tin và Truyền thông
23.2	Phủ sóng 5G cho người dân	% dân số	100	Sở Thông tin và Truyền thông
24	Hoàn thành xây dựng đô thị thông minh tại thành phố	Quận	>5	Sở Thông tin và Truyền thông Ủy ban nhân dân các quận
25	Thu hút thêm tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Thành phố	Tổ chức, doanh nghiệp	≥ 1	Sở Kế hoạch và Đầu tư
26	Quản lý nhà nước từ cấp Thành phố đến địa phương trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị	%	100	Sở Thông tin và Truyền thông
27	Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành	%	100	Công an thành phố
28	Hình thành sản dữ liệu	Sản dữ liệu	5	Công an thành phố

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
29	Hình thành các Trung tâm dữ liệu chung của thành phố	Trung tâm dữ liệu thành phố	≥ 03	Công an thành phố, Sở Thông tin và Truyền thông
30	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	%	≥ 95	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành phố
31	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%	≥ 70	Sở Thông tin và Truyền thông
32	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	%	≥ 95	Sở Y tế
33	Xếp hạng về an toàn thông tin mạng	Thứ bậc	≤ 10	Sở Thông tin và Truyền thông
34	Hoàn thành xây dựng cơ sở nghiên cứu khoa học công nghệ hàng đầu của Công an thành phố	Cơ sở	01	Công an thành phố
35	Tỷ lệ Make in Vietnam trong tổng doanh thu công nghiệp số Việt Nam	%	50	Sở Thông tin và Truyền thông
36	Các chỉ tiêu về giáo dục và đào tạo			
36.1	Mức độ chuyển đổi số đối với các cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục trên địa bàn thành phố đạt mức 2 trở lên	%	> 95% đối với cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; > 90% đối với các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ quan quản lý giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo
36.2	Cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số; cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số	%	100	Sở Giáo dục và Đào tạo

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
36.3	Cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên triển khai các chương trình giảng dạy về kỹ năng số cho học sinh (học viên) phù hợp với quy định của Bộ GDĐT quy định tại thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 về Khung năng lực số cho người học.	%	100	Sở Giáo dục và Đào tạo
36.4	Các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp vào các môn học và hoạt động giáo dục	%	95	Sở Giáo dục và Đào tạo
36.5	Cơ sở giáo dục trung học có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo hoạt động thường xuyên.	%	85	Sở Giáo dục và Đào tạo
36.6	Cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học.	%	100	Sở Giáo dục và Đào tạo
II	Đến năm 2045			
37	Quy mô kinh tế số	% GDP	≥ 60	Sở Thông tin và Truyền thông
38	Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu	Thứ bậc	≤ 100	Sở Khoa học và Công nghệ
39	Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số	Số doanh nghiệp/1000 dân	1	Sở Thông tin và Truyền thông
40	Số doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến	Doanh nghiệp	≥ 10	Sở Thông tin và Truyền thông
41	Thu hút thêm tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Thành phố.	Tổ chức, doanh nghiệp	≥ 5	Sở Kế hoạch và Đầu tư

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
42	Làm chủ một số công nghệ chip và vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, rô bốt và tự động hóa, sinh học, hóa học, vật liệu tiên tiến, công nghệ bảo an ứng dụng trong đảm bảo an ninh quốc gia	%	20- 50	Công an thành phố
43	Mức độ chuyển đổi số đối với các cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục trên địa bàn thành phố đạt mức 2 trở lên	%	100	Sở Giáo dục và Đào tạo
44	Các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp vào các môn học và hoạt động giáo dục	%	100	Sở Giáo dục và Đào tạo
45	Cơ sở giáo dục trung học có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo hoạt động thường xuyên.	%	100	Sở Giáo dục và Đào tạo

PHỤ LỤC SỐ 02: PHÂN CÔNG CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ

(Kèm theo Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn thành phố về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
1.1	Tổ chức triển khai, nghiên cứu, quán triệt các nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW, nghị quyết số 03-NQ/TW và Chương trình hành động số 89-CTr/TU	Các Sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị		2025
1.2	Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan truyền thông, báo chí làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng	Sở Khoa học và Công nghệ	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt nam thành phố, các tổ chức chính trị-xã hội; các sở ban ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đoàn thể, các đơn vị, các cơ quan truyền thông, thông tấn báo chí	Hàng năm
1.3	Rà soát, sửa đổi quy định về tiêu chí xếp loại và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của người đứng đầu, trong đó, đưa tiêu chí đánh giá trách nhiệm người đứng đầu trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức là tiêu chí quan trọng trong việc đánh giá, xếp loại hàng năm	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	2025
1.4	Xây dựng và đổi mới chương trình tuyên truyền, giáo dục hiệu quả để nâng cao nhận thức, quyết tâm, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thực hiện chuyển đổi số trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp, tạo niềm tin, khí thế mới trong xã hội	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1.5	Tổ chức các lớp "học tập số", phổ cập, nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, kiến thức số trong cán bộ, công chức và Nhân dân; các phong trào khởi nghiệp, sáng tạo, cải tiến nâng cao hiệu quả công việc, năng suất lao động, khơi dậy tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, phát huy trí tuệ góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm
1.6	Phát động phong trào thi đua thiết thực trong từng ngành, từng lĩnh vực, thu hút sự tham gia của đông đảo cán bộ, đảng viên, đội ngũ tri thức, người dân và cộng đồng doanh nghiệp thực hiện cuộc cách mạng chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện thành phố, các đơn vị	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm
2	Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xóa bỏ quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
2.1	Rà soát các quy định của pháp luật liên quan về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thành phố đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới theo thẩm quyền	Các Sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm
2.2	Tiếp tục tham mưu xây dựng Nghị quyết sửa đổi Nghị quyết số 35/2021/QH15, ngày 13/11/2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	2025 - 2026
2.3	Nghiên cứu đề xuất chính sách khuyến khích, thúc đẩy gắn kết viện, trường với doanh nghiệp để đưa kết quả nghiên cứu vào phục vụ sản xuất, kinh doanh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	2025 - 2026

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
2.4	Nghiên cứu, đề xuất thành lập khoa tài năng trong các trường đại học, cao đẳng về công nghệ thông tin, tự động hóa...nhằm thu hút và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, làm chủ công nghệ cho các ngành, lĩnh vực	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	2025 - 2026
2.5	Đề xuất và thí điểm một số mô hình phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	2025 - 2030
2.6	Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình/kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đến năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	2025 - 2030
2.7	Tham mưu ban hành và tổ chức thực hiện Chương trình khoa học công nghệ Biển thành phố Hải Phòng đến năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	2025 - 2030
3	Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
3.1	Cân đối ngân sách của thành phố dành cho hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với khả năng của ngân sách thành phố, phân đầu bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách thành phố hằng năm	Sở Tài chính	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm
3.2	Huy động tỷ lệ đóng góp của các doanh nghiệp và xã hội hóa, thu hút các nguồn lực ngoài ngân sách đầu tư khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
3.3	Nghiên cứu đề xuất: Xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung, Trung tâm ươm tạo công nghệ và đổi mới sáng tạo và Công viên khoa học và đổi mới sáng tạo, Thí điểm mô hình “Chính quyền số tiên phong” tại một số quận, huyện; Xây dựng các trung tâm nghiên cứu và phát triển, nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao ở các khu vực như Bắc Sông Cẩm. Nam Đình Vũ, Văn Úc, Tiên Lãng	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	2025 - 2030
3.4	Xem xét đầu tư xây dựng: Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Hải Phòng, Trung tâm điều hành thông minh (IOC) thành phố Hải Phòng, Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Thông tin và Truyền thông; các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các quận huyện, thành phố và các đơn vị liên quan	2025 - 2026
3.5	Nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và đáp ứng yêu cầu triển khai Đề án 06/CP của Chính phủ	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tài chính; các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm
3.6	Triển khai cấp chứng thư số đến 100% cán bộ, công chức của thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	2025 - 2026
3.7	Xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát tài nguyên và môi trường biển dựa trên dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI) internet vạn vật (IoT) và công nghệ viễn thám, hệ thống thông tin địa lý (GIS) nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, dự báo biến động tài nguyên, môi trường và giảm thiểu tác động tiêu cực từ hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	2025 - 2026

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
3.8	Kêu gọi đầu tư phát triển công nghiệp năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, năng lượng thông minh theo Chương trình số 01-Ctr/TU ngày 19/12/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 12/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm
3.9	Đầu tư, nâng cao năng lực và vận hành hiệu quả Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm
3.10	Triển khai tổ chức thực hiện đề án xây dựng Hải Phòng trở thành trung tâm quốc tế về đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ biển	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện thành phố, các đơn vị liên quan	2025-2027
3.11	Nghiên cứu đề xuất đầu tư xây dựng Trung tâm thu thập thông tin camera giám sát và chia sẻ, kết nối với các Sở, ngành phục vụ công tác quản lý nhà nước về trật tự an toàn xã hội	Công an thành phố	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	2025-2027
3.12	Nghiên cứu đề xuất xây dựng định mức trang thiết bị phương tiện hiện đại, thông minh, chuyên dụng, chuyên ngành đảm bảo an ninh, an toàn các khu kinh tế biển, cảng biển	Công an thành phố	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm
4	Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
4.1	Trình ban hành và tổ chức thực hiện Nghị quyết về cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài thành phố Hải phòng	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	2025

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
4.2	Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 13/5/2024 của Ban Thường vụ Thành ủy về đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm
4.3	Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/4/2024 của Ban Thường vụ Thành ủy về phát triển Trường Đại học Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Trường Đại học Hải Phòng	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	2025 - 2030
4.4	Nghiên cứu đề xuất và thí điểm Xây dựng Đại học số, mô hình ISO số phục vụ đào tạo, thu hút nguồn nhân lực	Trường Đại học Hải Phòng	Sở Giáo dục và Đào tạo; các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	2025 - 2027
4.5	Nghiên cứu đề xuất và xây dựng chương trình đào tạo và thu hút nhân tài về Hải Phòng trong lĩnh vực công nghệ cao, AI, IoT, dữ liệu lớn, năng lượng tái tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường Đại học Hải Phòng; Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	2025 - 2026
4.6	Phối hợp với các cơ sở đào tạo trên toàn quốc để Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo nhân lực chất lượng cao về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường Đại học Hải Phòng; Các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện thành phố, các đơn vị liên quan	2025 - 2026
4.7	Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ, các viện nghiên cứu để đưa chương trình thực tế vào giảng dạy	Trường Đại học Hải Phòng	Sở Giáo dục và đào tạo; các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các quận huyện, thành phố và đơn vị liên quan	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
4.8	Tăng cường hợp tác với trí thức người Việt Nam sinh sống, làm việc ở nước ngoài, trí thức người nước ngoài trong chuyển giao, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những lĩnh vực mới, quan trọng nhằm góp phần thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước	Sở Ngoại vụ	Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm
4.9	Rà soát, điều chỉnh Quy hoạch các tổ chức khoa học công nghệ công lập	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm
4.10	Xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm
4.11	Đào tạo kỹ năng số cho người dân thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm
5	Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh			
5.1	Đảm bảo hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ, biểu mẫu, chế độ báo cáo trên môi trường mạng, thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước. Hoàn thiện các quy trình, thủ tục hành chính phù hợp với hoạt động của chính quyền số, cắt giảm tối đa giao dịch trực tiếp	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm
5.2	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu lớn phục vụ quản lý, giám sát và ra quyết định trong các lĩnh vực	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
5.3	Triển khai nền tảng dữ liệu số về tài nguyên và môi trường biển, tích hợp với hệ thống thông tin địa lý (GIS) để hỗ trợ ra quyết định; Ứng dụng AI trong phân tích dữ liệu viễn thám, dự báo xói lở bờ biển, biến động rừng ngập mặn và chất lượng nước biển; Phát triển hệ thống cảm biến thông minh để giám sát rác thải nhựa đại dương, ô nhiễm dầu và biến đổi môi trường nước biển theo thời gian thực	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm
5.4	Đẩy mạnh Ứng dụng công nghệ số chuyên dùng (Phần mềm, phần cứng) phục vụ nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị, nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm
5.5	Xây dựng nền tảng số tích hợp của thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm
5.6	Xây dựng và cập nhật hệ thống thông tin kinh tế số của thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm
5.7	Ứng dụng công nghệ thông minh trong quản lý hạ tầng	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm
5.8	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý văn hóa:			
	- Chuyển đổi số trong trưng bày tại Bảo tàng Hải Phòng	Sở Văn hóa và Thể thao	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm
	- Xây dựng bản đồ số quản lý di tích xếp hạng các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng	Sở Văn hóa và Thể thao	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	2025-2026

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
5.9	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành ngành Công Thương:			
	- Ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc các sản phẩm công nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Công Thương và các Bộ, ngành liên quan	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm
	- Thành lập Sàn giao dịch thương mại điện tử các sản phẩm đặc trưng của thành phố	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	2025-2026
	- Số hóa và tạo lập cơ sở dữ liệu logistics thành phố Hải Phòng	Sở Công thương	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	2025-2026
5.10	Thúc đẩy mạnh mẽ các nhiệm vụ, giải pháp kích thích kinh tế số trong nông nghiệp và phát triển nông thôn; đưa thương mại điện tử, thanh toán điện tử, hóa đơn điện tử, chữ ký số vào hoạt động mua, bán nông sản, sản phẩm OCOP, sản phẩm thể mạnh của địa phương. Xây dựng Appmini nền tảng số nông dân	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm
5.11	Xây dựng phần mềm Quản lý người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Sở Ngoại vụ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	2025-2026
5.12	Số hoá dữ liệu thông tin quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	2025-2026
5.13	Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ "Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin công chứng"	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
5.14	Triển khai trợ lý ảo cho cán bộ, công chức và người dân	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm
5.15	Triển khai nền tảng phân tích xử lý dữ liệu tổng hợp, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong việc hỗ trợ ra quyết định	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm
5.16	Triển khai nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố Hải Phòng	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm
5.17	Thiết lập hạ tầng viễn thông di động mặt đất công nghệ 5G	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm
5.18	Đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp về chuyển đổi số, mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc để tăng cường công tác quản lý nhà nước về năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hoá, tạo môi trường sản xuất kinh doanh minh bạch, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển thương mại, thị trường xuất, nhập khẩu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm
5.19	Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ, biểu mẫu, chế độ báo cáo trên môi trường mạng, thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước. Hoàn thiện các quy trình, thủ tục hành chính phù hợp với hoạt động của chính quyền số, cắt giảm tối đa giao dịch trực tiếp	Các Sở, ban, ngành; UBND các quận huyện thành phố và đơn vị liên quan		Hàng năm
5.20	Bảo đảm an toàn, an ninh mạng trên nền tảng số và không gian mạng	Sở Thông tin và Truyền thông	Công an thành phố; Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
5.21	Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ vào phát triển các ngành kinh tế chủ lực của thành phố: công nghiệp điện tử, cơ khí chế tạo, cơ khí giao thông, dịch vụ logistics, y học biển, dược phẩm biển	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm
5.22	Tăng cường hỗ trợ các hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong các Trường Đại học, Cao đẳng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm
5.23	Tăng cường áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm
5.24	Tiêu chuẩn hóa, tăng cường công tác quản lý nhà nước về công nghệ đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ từ nước ngoài, các dự án đầu tư nước ngoài, để ngăn chặn việc ứng dụng, chuyển giao, sử dụng công nghệ, thiết bị lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm
5.25	Triển khai sâu rộng các hoạt động sáng tạo tạo ra tài sản trí tuệ, hỗ trợ bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, thúc đẩy phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất trên địa bàn thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
6	Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp			
6.1	Xây dựng Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ, thực hiện chuyển đổi số, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo giai đoạn 2026-2030 (hỗ trợ hình thành và phát triển một số doanh nghiệp công nghệ số chiến lược trong thành phố quy mô lớn để phát triển hạ tầng số; cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số...)	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	2025-2026
6.2	Triển khai hướng dẫn, thúc đẩy doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử để nghiên cứu sử dụng định danh và xác thực điện tử trong các giao dịch thương mại điện tử	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm
6.3	Khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp (startup) trong lĩnh vực kinh tế biển xanh, tạo điều kiện tiếp cận nguồn vốn, chính sách hỗ trợ và hợp tác quốc tế về đổi mới sáng tạo trong khai thác tài nguyên biển bền vững;	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm
6.4	Tăng cường đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm
6.5	Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo hình thức đối tác công tư	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
7	Tăng cường hợp tác trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
7.1	Xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức nghiên cứu, chuyển giao, hợp tác với các địa phương khác, các nước phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm
7.2	Tăng cường hợp tác và huy động nguồn lực từ các Quỹ đầu tư của nước ngoài triển khai các dự án thử nghiệm về công nghệ mới, vật liệu mới, năng lượng mới, chuyển đổi số trong các lĩnh vực hàng hải, kinh tế biển, logistics và các nguồn hợp pháp khác.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm
7.3	Mở rộng hợp tác quốc tế và thu hút FDI vào công nghệ cao	Ban Quản lý Khu kinh tế thành phố	Sở Ngoại vụ; các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm
7.4	Tổ chức diễn đàn công nghệ quốc tế, kết nối doanh nghiệp địa phương với các tập đoàn công nghệ lớn và kêu gọi quỹ đầu tư nước ngoài rót vốn vào doanh nghiệp khoa học và công nghệ tại Hải Phòng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm
7.5	Ký kết các chương trình phối hợp, hợp tác về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Hàng năm
8	Các nhiệm vụ, giải pháp khác			
	Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại Kết luận số 312-KL/TU ngày 15/02/2024; Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 26/10/2021; Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 24/4/2024; Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, các đơn vị liên quan	Theo thời gian tại các Nghị quyết, Quyết định, Kế hoạch đã phê duyệt